

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT

Ngày 08 - 5 - 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yên

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự Sinh
Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Hồng Thắng, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2020/TLPT - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “ly hôn”;

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 53/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 34/TB-TA ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1968; Địa chỉ: K322/H100/20 đường H, tổ 12, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Thanh T, sinh năm 1959; Địa chỉ: K322/H100/20 đường H, tổ 12, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Thanh T chung sống với nhau vào năm 1991 tại xã N, tỉnh Đ nhưng không đăng ký kết hôn. Cả hai chung sống với nhau đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn nên bà T về sinh sống với cha mẹ ruột tại Đà Nẵng, còn ông T vẫn ở xã N, sau đó được gia đình động viên nên năm 1999 bà và ông T chung sống lại với nhau. Tuy nhiên do tính tình và quan điểm sống của hai người không hợp nên tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, đôi lúc xảy ra xô xát. Từ năm 2004 đến nay bà và ông T sống ly thân, không còn tình cảm với nhau. Đầu năm 2019, bà làm đơn ly hôn với ông T nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông T được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 3 con chung Phan Thị Thanh H sinh năm 1992; Phan Thanh P sinh năm 1993; Phan Thanh Đ sinh năm 1995. Các con đều trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Phan Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất về thời gian, điều kiện chung sống, kết hôn như bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày. Sau thời gian chung sống thì năm 1994 bà T giận hờn nên tự ý về nhà cha mẹ mình ở, bỏ các con cho ông chăm sóc. Năm 1999 ông và bà quay trở lại chung sống và đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, đôi lúc vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống gia đình. Ông vẫn còn tình cảm với bà T, hơn nữa các con đều chưa có gia đình riêng nên ông yêu cầu Tòa án xem xét cho vợ chồng ông đoàn tụ.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 3 con chung như bà T trình bày, hiện nay các con đều trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng có một ngôi nhà tại K322/H100/20 đường H, tổ 12, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng và một số vật dụng trong gia đình, ông yêu cầu Tòa án chia tài sản trong trường hợp Tòa án xử cho ly hôn.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với ông Phan Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Phan Thanh T.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004980 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra bản án còn thông báo quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2019 bị đơn ông Phan Thanh T nộp Đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T được đoàn tụ; trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn thì yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là nhà ở tại K322/H100/2 đường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc T chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 1994 thì hai người phát sinh mâu thuẫn nên mỗi người ở mỗi nơi. Năm 1999 bà T và ông T quay trở lại chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đ.

[2] Theo bà T khai mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không phù hợp, hai bên thường xuyên cãi vã, có lúc xảy ra xô xát, mặc dù bà và ông T ở chung một nhà nhưng đã tự ly thân, không ai có trách nhiệm với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Đối với ông T cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì trầm trọng nên tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như nội dung kháng cáo của ông T là đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho ông và bà T được đoàn tụ.

[3] HĐXX xét thấy, trên thực tế cả ông T và bà T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 1994 và sau khi quay trở lại chung sống vào năm 1999 thì hai người tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên tháng 4 năm 2019 bà T đã làm đơn xin ly hôn ông T, nhưng sau đó bà T rút đơn ly hôn để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không khắc phục được. Nay bà T lại tiếp tục yêu cầu được ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho bà T được ly hôn ông T là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T về việc xin đoàn tụ.

[4] Ngoài ra, ông Phan Thanh T kháng cáo cho rằng nếu Tòa án xem xét cho ly hôn thì đề nghị giải quyết chia tài sản chung của ông và bà T là nhà ở tại K322/H100/2 đường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. HĐXX xét thấy, tại cấp sơ thẩm ông T đã có yêu cầu giải quyết chia tài sản nêu trên, nếu Tòa án xử cho ly hôn. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho ông T nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung nhưng ông T không nộp nên cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu này của ông T được. Nếu sau này ông T có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX.

[7] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Phan Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh T.

II. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 53/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với ông Phan Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn ông Phan Thanh T.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo

Biên lai thu số 0004980 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T thành phố Đà Nẵng.

III. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: ông Phan Thanh T phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001592 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án quận T, thành phố Đà Nẵng.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP ĐN;
- TAND Quận T;;
- CCTHADS Quận T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến

